

Số: 294/2018/QĐST-HNGĐ

Trần Văn Thời, ngày 06 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 718/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Hồng D**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Minh C**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng B – Chi nhánh Cà Mau.
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Hữu N – Chuyên viên khách hàng chi nhánh Cà Mau PGD Trần Văn Thời.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 59; Điều 60; Điều 62; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hồng D và anh Trần Minh C.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Hồng D và anh Trần Minh C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Vũ K, sinh năm 2000 và Trần Nhựt L, sinh ngày 14/8/2011. Sau khi ly hôn cháu K đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Giao cháu Trần Nhựt L, sinh ngày 14/8/2011 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

+ Giao cho anh C tiếp tục được quản lý và sử dụng 01 chiếc xe honda biển số 69N1 – 019.29 do anh C đứng tên trị giá 9.500.000 đồng.

+ Giao cho chị Phạm Hồng D được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 125m² và 01 căn nhà tường cấp 4 cất trên đất thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc khóm B, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau do hộ anh C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, trị giá nhà đất 300.000.000 đồng, nhà đất có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Dài 25m tiếp giáp nhà đất chị Lê Thị H;

Hướng Tây: Dài 25m tiếp giáp nhà đất anh Dương Minh Q;

Hướng Nam: Dài 5m tiếp giáp Đường số 02;

Hướng Bắc: Dài 5m tiếp giáp mương thoát nước;

Chị Phạm Hồng D có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng sang cho chị đứng tên là người chủ sở hữu quản lý hợp pháp nhà, đất nêu trên.

Anh Trần Minh C có trách nhiệm giao nhà và đất cho chị D được hưởng như trên khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 26/10/2018 và mảnh trích đo địa chính số 148-2018 ngày 31/10/2018 kèm theo).

- Về nợ:

+ Đối với số nợ theo hợp đồng tín dụng số 16415 ngày 14/3/2015, dư nợ tính đến ngày 24/10/2018 là 12.500.000 đồng và hợp đồng tín dụng số HĐTD 93120170164 ngày 17/11/2017, dư nợ tính đến ngày 24/10/2018 là 129.771.365 đồng giữa Ngân hàng B - Chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch huyện TVT với anh C, chị D (thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất giao cho chị D được hưởng như trên), chị D tự nguyện có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng và chị được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp sau khi thanh toán xong khoản nợ trên theo hợp đồng đã ký kết.

+ Đối hợp đồng tín dụng số HĐTD9302017364 ngày 15/6/2017 số tiền vay 220.000.000 đồng giữa Ngân hàng B - Chi nhánh Cà Mau với anh C, anh C xác định đây là khoản vay theo lương và tự nguyện sau khi ly hôn anh có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng.

+ Ngân hàng B - Chi nhánh Cà Mau thống nhất sự thỏa thuận trên của chị D và anh C. Đồng thời xác định tự thỏa thuận thu nợ đối với chị D và anh C như thỏa thuận trên, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị D tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 150.000đồng. Chị đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0008816 ngày 18/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu đối trừ, chị D được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Án phí dân sự sơ thẩm anh C phải chịu 237.500 đồng (chưa nộp); Chị D phải chịu 3.750.000 đồng (chị D có đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn C kinh tế khó khăn nên được xét giảm 50%), chị D dự nộp 3.750.000 đồng tại biên lai số 0008816 được chuyển thu đối trừ, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã KB (ĐKKH năm 2000);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Quốc Kiên